

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 225 /QĐ-DHTĐ ngày 15 tháng 5 năm 2018 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Đô)

- Tên chương trình: Công nghệ Kỹ thuật Công trình Xây dựng.
- Trình độ đào tạo: Đại học chính quy.
- Ngành đào tạo: Công nghệ Kỹ thuật Công trình Xây dựng.
- Mã ngành: 7510102.
- Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung.

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình nhằm mục tiêu đào tạo kỹ sư Xây dựng, có năng lực chuyên môn, phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, đáp ứng nhu cầu lao động có trình độ kỹ thuật cao của đất nước.

1.2. Mục tiêu cụ thể

➤ Kiến thức

G1. Nắm rõ một cách hệ thống các kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, các kiến thức về toán học, kiến thức xã hội, khoa học tự nhiên để vận dụng trong học tập, nghiên cứu về lĩnh vực xây dựng công trình.

G2. Sử dụng tốt ngoại ngữ và các phần mềm tin học từ đó ứng dụng vào chuyên ngành Xây Xựng.

G3. Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ sở về: Cơ học và sức bền vật liệu, vật liệu xây dựng, thiết kế các cấu kiện thép, thiết kế các cấu kiện bê tông cốt thép, một số kiến thức cơ sở khác.

G4. Trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành như: Kiến thức về kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp, nền móng công trình dân dụng và công nghiệp, thiết kế kết cấu trong công trình dân dụng và công nghiệp, tổ chức thi công và giám sát các công trình dân dụng và công nghiệp.

➤ Kỹ năng

G5. Khả năng áp dụng các kiến thức toán học, khoa học, và kỹ thuật vào tính toán,

giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực xây dựng.

G6. Khả năng thiết kế và tiến hành các thí nghiệm, phân tích và giải thích dữ liệu trong lĩnh vực xây dựng dân dụng và công nghiệp. Khả năng thiết kế, giám sát và tổ chức thi công một bộ phận kết cấu, một công trình trong lĩnh vực xây dựng dân dụng và công nghiệp để đáp ứng các nhu cầu mong muốn với các ràng buộc thực tế như về kinh tế, môi trường, xã hội, chính trị, đạo đức, sức khỏe và sự an toàn, có tính bền vững.

G7. Có khả năng tham gia vào công tác nghiên cứu khoa học. Sử dụng được tối thiểu một ngoại ngữ để đọc và hiểu được tài liệu chuyên môn, tin học trình độ nâng cao.

➤ **Thái độ**

G8. Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ, quy định và đạo đức nghề nghiệp. Có trách nhiệm cao trong công việc cũng như trong cuộc sống, tác phong nghề nghiệp nhanh nhẹn, vững vàng, thái độ phục vụ nghiêm túc; tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.

G9. Khả năng cập nhật kiến thức nhanh, sáng tạo trong công việc. Khiêm tốn, trung thực, khách quan, cầu tiến, có tinh thần nghiên cứu khoa học và ý thức học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời.

2. CHUẨN ĐẦU RA

2.1. Kiến thức

2.1.1. Kiến thức chung

K1. Nắm rõ một cách hệ thống các kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, vận dụng kiến thức toán, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội - nhân văn, công nghệ thông tin và kiến thức cơ sở vào ngành đào tạo.

K2. Trình độ ngoại ngữ đạt tối thiểu bậc 3 trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trở lên (tương đương TOEIC từ 450 trở lên).

2.1.2. Kiến thức chuyên môn

K3. Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ sở về: Cơ học và sức bền vật liệu, cơ học kết cấu, trắc địa, vật liệu xây dựng, kiến trúc công trình và một số kiến thức cơ sở khác.

K4. Trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành như: Thiết kế công trình xây dựng dân dụng, thi công công trình xây dựng, giám sát thi công công trình xây dựng, quản lý dự án công trình xây dựng, quản lý Nhà nước về xây dựng, thanh tra về xây dựng, tư vấn đầu tư xây dựng, định giá về xây dựng, thí nghiệm về xây dựng và địa chất công trình, khảo sát xây dựng.

K5. Hiểu và vận dụng được các tiêu chuẩn, văn bản pháp luật về xây dựng có liên quan đến lĩnh vực hoạt động chuyên ngành.

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng mềm

S6. Các kỹ năng cá nhân: Có khả năng làm việc độc lập, năng động, sáng tạo. Có khả năng hợp tác, tổ chức, lãnh đạo và làm việc nhóm. Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả thông qua viết, thuyết trình, thảo luận, đàm phán, làm chủ tình huống.

S7. Có khả năng sử dụng công nghệ thông tin đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và ngoại ngữ đạt bậc 3 trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trở lên (tương đương TOEIC từ 450 trở lên) trong công việc văn phòng, giao tiếp, tra cứu thông tin, dịch tài liệu và các hoạt động khoa học kỹ thuật.

2.2.2. Kỹ năng nghề nghiệp

S8. Tổ chức quản lý và vận hành tốt các qui trình kỹ thuật về thiết kế, kỹ thuật về thi công công trình xây dựng, tổ chức quản lý và vận hành tốt các qui trình kỹ thuật về giám sát thi công công trình xây dựng, các qui trình quản lý dự án đầu tư xây dựng.

S9. Có kỹ năng tốt trong công tác định giá trong xây dựng, tư vấn đầu tư xây dựng.

S10. Tổ chức quản lý và vận hành tốt các qui trình thanh tra xây dựng.

S11. Tổ chức quản lý và vận hành tốt các qui trình thí nghiệm về xây dựng, địa chất công trình, các qui trình về khảo sát xây dựng.

2.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

C12. Có trách nhiệm công dân, phẩm chất chính trị tốt, yêu nước, yêu ngành nghề. Ý thức trách nhiệm công dân tốt, hết lòng phục vụ tổ quốc, lối sống lành mạnh phù hợp bản sắc dân tộc

C13. Yêu khoa học, yêu nghề, cầu tiến và không ngừng học tập nâng cao trình độ.

C14. Năng động, sáng tạo, sẵn sàng làm việc độc lập, khoa học, tự học hỏi, tìm kiếm, cập nhật sử dụng thông tin trong giải quyết công việc.

C15. Có thái độ cộng tác, khách quan, công bằng trong công việc và cuộc sống.

2.3. Định hướng nghề nghiệp, vị trí việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Với các kỹ năng, trình độ thu nhận được, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có sức khỏe, có

kiến thức chuyên sâu về Kỹ thuật xây dựng. Kỹ sư có thể hoàn thành tốt các công việc:

- Làm cán bộ kỹ thuật, thiết kế, giám sát và chỉ đạo thi công tại các công ty, xí nghiệp xây lắp, xây dựng dân dụng và công nghiệp và liên quan;
- Làm chuyên viên tư vấn, nghiên cứu và thiết kế tại các Công ty tư vấn thiết kế, các Viện nghiên cứu khoa học công nghệ xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp và liên quan;
- Làm cán bộ giảng dạy, đào tạo, nghiên cứu khoa học và quản lý tại các trường đại học, cao đẳng và đào tạo nghề, có năng lực học tập ở bậc Sau đại học để mở rộng, nâng cao kiến thức thuộc ngành Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng và liên quan;
- Làm công tác quản lý ở các cơ quan quản lý Nhà nước trong các lĩnh vực xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp và liên quan.

2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Có khả năng tự học tập, nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên môn; duy trì, cải thiện kỹ năng mềm.
- Có khả năng học thêm văn bằng đại học khác hoặc học tiếp bậc thạc sĩ hay tiến sĩ ở các trường đại học theo quy định của Bộ Giáo Dục và Đào tạo.

3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4.0 năm (8 học kỳ, 2 học kỳ/ năm).

4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 150 tín chỉ (bao gồm 11 tín chỉ các học phần Giáo dục quốc phòng – An ninh và Giáo dục thể chất).

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh Đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Tây Đô. Công dân Việt Nam có đủ các điều kiện sau đây đều được đăng ký dự tuyển:

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo quy định hiện hành của Liên Bộ Y tế - Giáo dục và Đào tạo.
- Nộp đầy đủ, đúng thời hạn các giấy tờ và lệ phí đăng ký dự thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

6.1. Quy trình đào tạo

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo Quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô).

- Ba học kỳ đầu tiên sinh viên được trang bị kiến thức đại cương. Trong giai đoạn này, sinh viên còn có thể được trang bị những kiến thức cơ sở của khối ngành, tạo nền tảng cần thiết để sinh viên sẵn sàng bước vào giai đoạn chuyên ngành.
- Trong tám học kỳ tiếp theo, sinh viên được cung cấp những kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành và kiến thức hỗ trợ cần thiết cho ngành học. Trong các học kỳ này mỗi sinh viên sẽ thực hiện các tiểu luận (đồ án) của một số môn học tùy theo yêu cầu, nhằm rèn luyện cho sinh viên năng lực nghiên cứu khoa học.
- Đến học kỳ 8, tất cả sinh viên sẽ đi thực tập tốt nghiệp để làm quen với môi trường làm việc tại các công ty, xí nghiệp hay các công trường thi công.
- Các sinh viên có đủ điều kiện sẽ được làm Đồ án tốt nghiệp. Sau khi hoàn thành, sinh viên sẽ bảo vệ đồ án của mình trước Hội đồng chấm Đồ án.

6.2. Điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo Quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô) và Quy định các kỹ năng chuẩn đầu ra cho sinh viên, học sinh trường Đại học Tây Đô.

- a. Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- b. Tích lũy đủ số học phần quy định theo chương trình đào tạo;
- c. Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên;
- d. Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – an ninh và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất.
- e. Đạt chuẩn kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin, kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp và được cấp chứng chỉ theo quy định nhà trường.

7. THANG ĐIỂM

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo Quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô).

Điểm số theo thang điểm 10	Điểm chữ	Điểm số theo thang điểm 4
9,0 – 10,0	A	4,0
8,0 – 8,9	B+	3,5
7,0 – 7,9	B	3,0
6,5 – 6,9	C+	2,5
5,5 – 6,4	C	2,0
5,0 – 5,4	D+	1,5
4,0 – 4,9	D	1,0
nhỏ hơn 4,0	F	0,0

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

TT	Khối lượng học tập	TÍN CHỈ		
		TS	LT	TH
1	Kiến thức giáo dục đại cương	54	45	9
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	84	66	18
3	Thực tập tốt nghiệp, Đồ án, Khóa luận tốt nghiệp	12	0	12
Tổng cộng		150	111	39

8.1. Kiến thức giáo dục đại cương:

STT	Mã số	Tên môn học	Số TC		
			Tổng	LT	TH
1.	0301000654	Những NLCB của CN Mác-Lênin 1	2	2	
2.	0301000664	Những NLCB của CN Mác-Lê nin 2	3	3	
3.	0301000665	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	
4.	0301000666	Đường lối CM của Đảng CSVN	3	3	
5.	0301000667	Pháp luật đại cương	2	2	

6.	0301000946	Tiếng Anh định hướng TOEIC 1	4	4	
7.	0301000947	Tiếng Anh định hướng TOEIC 2	4	4	
8.	0301000948	Tiếng Anh định hướng TOEIC 3	4	4	
9.	0301000679	Tin học căn bản	2	2	
10.	0301000680	Thực hành tin học căn bản	2		2
11.	0301000670	Vi tích phân A1	3	3	
12.	0301000671	Vi tích phân A2	3	3	
13.	0301000672	Đại số tuyến tính và Hình học	3	3	
14.	0301000673	Xác suất - Thống kê	3	3	
15.	0301000695	Cơ nhiệt đại cương A	2	2	
16.	0301000696	TT. Cơ nhiệt đại cương A	1		1
17.	0301001035	Giáo dục thể chất 1 - Bóng chuyền **			
18.	0301001036	Giáo dục thể chất 1 - Bóng đá **	1		1
19.	0301001037	Giáo dục thể chất 1 - Cầu lông **			
20.	0301000660	Giáo dục thể chất 2 - Bóng chuyền **			
21.	0301001038	Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá **	1		1
22.	0301001039	Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông **			
23.	0301001030	Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền **			
24.	0301000661	Giáo dục thể chất 3 - Bóng đá **	1		1
25.	0301000662	Giáo dục thể chất 3 - Cầu lông **			
26.	0301000650	Giáo dục quốc phòng - an ninh **	8	5	3
TỔNG CỘNG			54	45	9

8.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

8.2.1. Kiến thức cơ sở ngành

STT	Mã số	Tên môn học	Số TC		
			Tổng	LT	TH
1	0301000058	Cơ lý thuyết	2	2	
2	0301000477	Sức bền vật liệu	4	4	
3	0301000580	Trắc địa đại cương	2	2	
4	0301000519	Thực tập Trắc địa đại cương	1		1
5	0301000629	Vật liệu xây dựng	2	2	

6	0301000521	Thực tập Vật liệu xây dựng	1		1
7	0301000172	Hình họa và vẽ kỹ thuật xây dựng	3	2	1
8	0301000057	Cơ học kết cấu	4	4	
9	0301000056	Cơ học đất	3	3	
10	0301000512	Thực tập Cơ học đất	1		1
11	0301000093	Địa chất công trình	3	3	
12	0301000513	Thực tập địa chất công trình	1		1
13	0301000224	Kiến trúc công trình	2	2	
14	0301000116	Đồ án kiến trúc	1		1
15	0301001085	Thủy lực cơ sở	3	3	
TỔNG CỘNG			33	27	6

8.2.2. Kiến thức chuyên ngành

STT	Mã số	Tên môn học	SỐ TC		
			Tổng	LT	TH
1	0301000023	Cấp thoát nước	2	2	
2	0301000204	Kết cấu thép - Gỗ	2	2	
3	0301000201	Kết cấu bê tông 1	3	3	
4	0301001326	Kết cấu bê tông 2	3	3	
5	0301000114	Đồ án kết cấu bê tông	1		1
6	0301001327	Nền móng công trình	3	3	
7	0301000117	Đồ án nền móng công trình	1		1
8	0301000205	Kết cấu thép 2 (Nhà CN)	2	2	
9	0301000115	Đồ án kết cấu thép	1		1
10	0301000267	Kỹ thuật thi công	3	3	
11	0301000569	Tổ chức thi công	2	2	
12	0301000118	Đồ án thi công	1		1
13	0301000316	Máy xây dựng	2	2	
14	0301000053	Chuyên đề thí nghiệm công trình	1		1
15	0301000525	Chuyên đề thực tế - XD	1		1
16	0301000046	Chuyên đề công nghệ bê tông xi măng	1		1
17	0301001328	Kết cấu bê tông 3 (Cấu kiện đặc biệt)	3	3	
18	0301001329	Quản lý dự án xây dựng	3	2	1
19	0301000077	Công trình trên đất yếu	2	2	

20	0301002093	Thực tập tốt nghiệp - XD	4		4
21	0301001289	Loại hình 1: Khóa luận tốt nghiệp - XD	8		8
		Loại hình 2:			
22	0301001093	- Tiểu luận tốt nghiệp - XD	4		4
23	0301000295	- Học phần tốt nghiệp 1: Luật xây dựng.	2	2	
24	0301000203	- Học phần tốt nghiệp 2: Kết cấu gạch đá.	2	2	
25	0301000232	- Học phần tốt nghiệp 3: Kinh tế ngành XD.	2	2	
TỔNG CỘNG			49	29	20

8.2.3. Kiến thức bổ trợ, tự chọn, chuyên sâu của ngành (tự chọn 14 tín chỉ)

STT	Mã số	Tên môn học	Số TC		
			Tổng	LT	TH
1.	0301000538	Thủy văn công trình	4	2	
2.	0301000420	Phương pháp nghiên cứu và viết BCKH		2	
3.	0301000257	Kỹ thuật điện xây dựng		2	
4.	0301000369	Nguyên lý qui hoạch		2	
5.	0301001648	Tin học ứng dụng - Kỹ thuật	2		2
6.	0301000462	Qui hoạch đô thị		2	
7.	0301000075	Công trình giao thông	8	2	
8.	0301000076	Công trình thủy		2	
9.	0301001331	Tiếng Anh chuyên ngành - XD		3	
10.	0301001330	Nhà nhiều tầng		3	
TỔNG CỘNG			14	12	2

9. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY: (dự kiến)

Học kỳ: 1

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1.	Giáo dục thể chất 1 - Bóng chuyền **	1					

2.	Giáo dục thể chất 1 - Bóng đá **			1	30		30
3.	Giáo dục thể chất 1 - Cầu lông **						
4.	Tin học căn bản	2	2		30	30	
5.	Thực hành tin học căn bản	2		2	30		30
6.	Những NLCB của CN Mác-Lênin 1	2		2	30	30	
7.	Tiếng Anh định hướng TOEIC 1	4	4		60	60	
8.	Vi tích phân A1	3	3		45	45	
9.	Cơ nhiệt đại cương A	2	2		30	30	
10.	TT. Cơ nhiệt đại cương A	1		1	30		30
11.	Đại số tuyến tính và Hình học	3	3		45	45	
	Tổng cộng	20	14	6	225	180	90

Học kỳ: 2

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1.	Giáo dục thể chất 2 - Bóng chuyền **	1					
2.	Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá **	1		1	30		30
3.	Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông **	1					
4.	Giáo dục quốc phòng – an ninh **	8	5	3	165	75	90
5.	Những NLCB của CN Mác-Lênin 2	3	3		45	45	
6.	Tiếng Anh định hướng TOEIC 2	4	4		60	60	
7.	Vi tích phân A2	3	3		45	45	
8.	Xác suất - Thống kê	3	3		45	45	
9.	Pháp luật đại cương	2	2		30	30	
	Tổng cộng	24	20	4	420	300	120

Học kỳ: 3

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1.	Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền **	1		1	30		30

2.	Giáo dục thể chất 3 - Bóng đá **	1					
3.	Giáo dục thể chất 3 - Cầu lông **	1					
4.	Tiếng Anh định hướng TOEIC 3	4	4		60	60	
5.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30	30	
6.	Cơ lý thuyết	2	2		30	30	
7.	Hình họa vẽ kỹ thuật xây dựng	3	2	1	60	30	30
8.	Sức bền vật liệu	4	4		60	60	
9.	Thủy lực cơ sở	3	3		45	45	
	Tổng cộng	19	17	2	300	270	60

Học kỳ: 4

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1.	Đường lối CM của Đảng CSVN	3	3		45	45	
2.	Trắc địa đại cương	2	2		30	30	
3.	Thực tập Trắc địa đại cương	1		1	30		30
4.	Vật liệu xây dựng	2	2		30	30	
5.	Thực tập Vật liệu xây dựng	1	1		30		30
6.	Cơ học kết cấu	4	4		60	60	
7.	Thủy văn công trình	2	4		60	60	
8.	Phương pháp nghiên cứu và viết BCKH - XD	2					
9.	Kỹ thuật điện xây dựng	2					
10.	Nguyên lý qui hoạch	2					
	Tổng cộng	17	16	1	255	225	60

Học kỳ: 5

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1.	Cơ học đất	3	3		45	45	

2.	Thực tập Cơ học đất	1		1	30		30
3.	Địa chất công trình	3	3		45	45	
4.	Thực tập Địa chất công trình	1		1	30		30
5.	Kiến trúc công trình	2	2		30	30	
6.	Đồ án kiến trúc	1		1	30		30
7.	Kết cấu thép - Gỗ	2	2		30	30	
8.	Tin học ứng dụng - Kỹ thuật	2		2	30		60
9.	Quy hoạch đô thị	2					
10.	Kết cấu bê tông 1	3	3		45	45	
	Tổng cộng	18	13	5	270	195	150

Học kỳ: 6

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1.	Cấp thoát nước	2	2		30	30	
2.	Máy xây dựng	2	2		30	30	
3.	Kết cấu bê tông 2	3	3		45	45	
4.	Đồ án kết cấu bê tông	1		1	30		30
5.	Nền móng công trình	3	3		45	45	
6.	Đồ án nền móng công trình	1		1	30		30
7.	Kết cấu thép 2 (Nhà CN)	2	2		30	30	
8.	Đồ án kết cấu thép	1		1	30		30
9.	Kỹ thuật thi công	3	3		45	45	
	Tổng cộng	18	15	3	270	225	90

Học kỳ: 7

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1.	Chuyên đề thí nghiệm công trình	1		1	30		60
2.	Chuyên đề thực tế - XD	1		1	30		30

3.	Chuyên đề công nghệ Bê tông xi măng	1		1	30		30
4.	Công trình trên đất yếu	2	2		30	30	
5.	Tổ chức thi công	2	2		30	30	
6.	Đồ án thi công	1		1	30		30
7.	Quản lý dự án xây dựng	3	2	1	60	30	30
8.	Kết cấu bê tông 3 (Cấu kiện đặc biệt)	3	3		45	45	
9.	Công trình giao thông	2	8		120	120	
10.	Tiếng Anh chuyên ngành - XD	3					
11.	Công trình thủy	2					
12.	Nhà nhiều tầng	3					
	Tổng cộng	22	18	4	330	255	210

Học kỳ: 8

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
Nhóm sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp							
1.	Thực tập thực tế	4		4	120		120
2.	Khóa luận tốt nghiệp	8		8	240		240
	Tổng cộng	12		12	360		360
Nhóm sinh viên làm tiểu luận tốt nghiệp							
3.	Thực tập tốt nghiệp - XD	4		4	120		120
4.	Tiểu luận tốt nghiệp	4		4	120		120
5.	Kết cấu gạch đá	2					
6.	Luật xây dựng	2					
7.	Kinh tế ngành XD	2					
	Tổng cộng	12	4	8	300	60	240

10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

10.1. Cách quy đổi giờ:

Giờ quy đổi được tính như sau:

- 1 tín chỉ (TC) = 15 tiết giảng lý thuyết (Các học phần lý thuyết)
- = 30 đối với học phần thực tập, thực hành
- = 60 thực tập tốt nghiệp tại đơn vị thực tập

Số tiết của các học phần là bội số của 15.

Một tiết giảng là 50 phút.

10.2. Chương trình ngành Công nghệ Kỹ thuật Công trình Xây dựng được thiết kế theo đơn ngành:

Chương trình này được biên soạn trên cơ sở tuân thủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Ngoài các học phần bắt buộc, Trường đã thiết kế các học phần còn lại cho phù hợp với chuyên ngành đào tạo và chuẩn đầu ra.



Trần Long Luận